TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 07/02/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải

Bà Kháng Mai Thu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm, là Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm canh khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10/01/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H** - sinh năm: 1998; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 8, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 79A, tổ dân phố 2, phường N T, thành phố B, tỉnh Đ(Có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Anh **Trần Mai S**, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 06, tổ dân phố 8, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ; Hiện đi cơ sở giáo dục bắt buộc T H tại: Thị trấn G K, huyện B, tỉnh V(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Mai S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố

Điện Biên Phủ vào ngày 11/3/2019. Sau khi đăng ký và cưới hỏi theo phong tục tập quán tôi và anh S đã ở tại Số nhà 06, tổ dân phố 8, phường T T, thành phố B, tỉnh Đ đến cuối năm 2019 chúng tôi xin ra ở riêng được một thời gian sau anh S đua đòi theo bạn dẫn đến nghiện ma túy tôi và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh S không nghe mà còn đánh đập tôi, tôi đã đưa con về ở tại Số nhà 79A, tổ dân phố 2, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Hiện nay anh S đang phải đi cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà tại: Thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị H và anh S có một con chung là cháu Trần B L, sinh ngày 07/8/2019, vợ chồng ly hôn do anh S đi chấp hành giáo dục lên không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Hiện nay có cuộc sống ổn định chị H đi làm hàng tháng có thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, khu vực tôi ở gần Trường học đảm bảo cho cháu Linh được đi học. Bản thân tôi có đủ điều kiện để chăm sóc cháu Linh.

- Về con riêng: Không có

- Về tài sản, về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. ***Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 bị đơn anh Trần Thái S trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh S và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn không bị ai ép buộc. Từ ngày chúng tôi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì. Anh S đồng ý về việc giải quyết ly hôn

- Về con chung: Anh S và chị H có một con chung Trần B L, sinh ngày 07/8/2019, nơi đăng ký HKTT là số nhà 06, tổ 8, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, anh S có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng gì.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Hiện anh S đang cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà tại: Thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh S vắng mặt tại phiên tòa.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, Điểm a Khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh S được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Bảo Linh, sinh ngày 07/8/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi cháu trưởng thành. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà cả hai bên không được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/10/2022 chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Trần Thái S có địa chỉ Tổ dân phố , phường , thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngày 31/10/2022 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mai S thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn đang đi Cơ sở giáo dục bắt buộc nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mai S kết hôn tại UBND phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ vào ngày 11/3/2019, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh S đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân anh S đua đòi theo bạn không chịu làm ăn kinh tế. Hiện nay anh S đang đi Cơ sở giáo dục bắt buộc tại Thanh Hà không thể quan tâm đến chị H. Nay chị H xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S. Việc mẫu thuẫn và điều kiện của chị H đã được UBND phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ xác nhận và Tại đơn xin từ chối hòa giải, tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị H khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh S cũng nhất trí ly hôn. Do vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Mai S phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Xét về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị H và anh S có một con chung cháu Trần B L, sinh ngày 07/8/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H đưa ra căn cứ chị đi làm có thu nhập hiện nay lương của chị được tăng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, có cuộc sống ổn định, khu vực chị ở gần Trường học đảm bảo cho cháu được đi học, anh S đang đi Cơ sở giáo dục bắt buộc không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai anh S cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần B L.

Bản thân anh S đang đi Cơ sở gióa dục bắt buộc nên không có khả năng nuôi và cấp dưỡng cho con chung. Do vậy HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh S về việc xin nuôi con chung.

Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Trần B L, cháu còn bé cần sự chăm sóc của chị H. Do vậy cần giao con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ

18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận giao con chung Trần B L, sinh ngày 07/8/2019 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

[2.3] Về con riêng: Không có

[3] Xét về tài sản:

Tài sản; về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Trần Mai S.

2. Về con chung, con riêng:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần B L, sinh ngày 07/8/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về con riêng: Không có

3. Về tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp theo biên lai thu tiền 0002063 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mai S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thương Huyền